

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2025/DS-PT
Ngày: 12/3/2025
*Về việc tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Ông Phạm Văn Tỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến PH - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 12/3/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2025/TLPT-DS ngày 02/01/2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 179/2024/DS-ST ngày 02/10/2024 của Tòa án nhân dân H1ện B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 399/2025/QĐXXPT-DS ngày 04/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 648/2025/QĐ-PT ngày 21/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949

Địa chỉ: 061/AĐ1, ấp AD 1, xã A, H1ện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy Q của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: 07 Trần Bình Trọng, khu phố 1, thị trấn B, H1ện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Khắc H1, sinh năm 1973 (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 658/AĐ1, ấp AD 1, xã A, H1ện B, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2024 và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy Q của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị H cho ông Huỳnh Khắc H1 vay số tiền 20.000.000 đồng, vay có biên nhận ngày 17/01/2018, hứa 01 tháng trả, vay mua xe cũ làm xe mới bán, vay có lãi mỗi tháng 5%/tháng; tiền lãi không ghi trong biên nhận mà chỉ qua lời nói nhưng ông H1 không đóng lãi. Ngày 02/2/2018 ông H1 tiếp tục vay 05 chỉ vàng 24k, vay có biên nhận do ông H1 viết, thời hạn trả 01 tháng, vay vàng mua xe cũ, lãi thỏa thuận 5%/tháng, tiền lãi không có ghi trong biên nhận mà chỉ qua lời nói. Số vàng cho vay, ông H1 cũng không đóng lãi. Khi cho vay không có mặt bà L, đến khi bà H đòi thì có gặp bà L nói. Tài liệu, chứng cứ mà bà H yêu cầu ông H1 và bà L trả tiền, vàng là biên nhận do ông H1 ghi, ký tên. Ông H1 cho rằng không vay vàng mà vay 18.000.000 đồng là không đúng, vì bà H đưa cho ông H1 05 chỉ vàng 24k.

Bà H yêu cầu tính lãi của số vàng 05 chỉ 24k, mỗi tháng 250.000 đồng tạm tính từ ngày 02/2/2018 đến ngày 02/02/2024 là 06 năm 06 tháng là 19.500.000 đồng.

Bà H yêu cầu tính lãi của số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm tạm tính từ ngày 17/01/2018 đến ngày 17/8/2024 là 06 năm 06 tháng là 25.896.000 đồng.

Trường hợp chấp nhận ý kiến của ông H1 là bà H cho vay số tiền 18.000.000 đồng thì bà H có ý kiến vẫn đòi vàng, chứ không đòi tiền.

Tuy khi vay không có mặt của bà L nhưng số tiền, vàng vay để làm ăn nên bà H yêu cầu vợ chồng ông H1 phải liên đới trả.

Bà H yêu cầu ông H1 và bà L liên đới trả số tiền vay 20.000.000 đồng, tiền lãi 25.896.000 đồng (tạm tính từ ngày 17/01/2018 đến ngày 17/8/2024 mức lãi suất 20%/năm). Và yêu cầu trả số vàng 05 chỉ 24k, tiền lãi mỗi tháng 250.000 đồng là 19.500.000 đồng (tạm tính từ ngày 02/2/2018 đến ngày 02/02/2024).

Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Huỳnh Khắc H1 trình bày:

Trước đây không rõ năm nào ông có mượn của bà H 20.000.000 đồng và gom góp số tiền ông đang có để mua bán xe máy, sau đó do kinh tế khó khăn nên ông đến gặp bà H để vay mượn thêm 20.000.000 đồng nhưng bà H không có tiền mặt nên kêu ông cầm 05 chỉ vàng 24k ra tiệm vàng để bán lấy tiền, bán được bao nhiêu sẽ cho ông mượn. Lúc đó ông bán được 18.000.000 đồng, ông đưa cho bà H thì bà H đưa lại cho ông mượn nên ông mượn của bà H là 18.000.000 đồng chứ không phải 05 chỉ vàng 24k. Ông chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền gốc 20.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi và đồng ý trả 18.000.000 đồng không đồng ý trả 05 chỉ vàng 24k vì ông mượn tiền không có mượn vàng. Ông sẽ trả theo thời gian không đồng ý trả một lần.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 179/2024/DSST ngày 02/10/2024 của Tòa án nhân dân H1ện B đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Buộc bị đơn ông Huỳnh Khắc H1 và bà Trần Thị L liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi 13.197.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 17/02/2018 đến ngày 02/10/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng). Và buộc bị đơn ông Huỳnh Khắc H1 và bà Trần Thị L liên đới trả số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) và tiền lãi 11.802.600 đồng (tiền lãi tính từ ngày 03/03/2018 đến ngày 02/10/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Khắc H1, bà Trần Thị L liên đới trả 05 chỉ 24k (quy thành tiền 40.000.000 đồng); tiền lãi vàng tính từ ngày 02/2/2018 đến ngày 02/10/2024 là 53.120.000 đồng. Và không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Khắc H1, bà Trần Thị L liên đới trả số tiền lãi 13.861.000 đồng của số tiền gốc 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi chậm thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và Q kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/10/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo uỷ Q của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là ông Nguyễn Trọng Q thay đổi nội dung kháng cáo. Theo đó, bà H chỉ kháng cáo yêu cầu xem xét lại phần 05 chỉ vàng 24k (quy thành tiền 40.000.000 đồng); tiền lãi vàng tính từ ngày 02/2/2018 đến ngày 02/10/2024 là 53.120.000 đồng; các phần khác của bản án sơ thẩm, bà H không kháng cáo nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện Q và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị H kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Ông Huỳnh Khắc H1, bà Trần Thị L đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H1, bà L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với số tiền 20.000.000 đồng theo biên nhận ngày 17/01/2018 và lãi phát sinh, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Bà Nguyễn Thị H kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét buộc ông Huỳnh Khắc H1, bà Trần Thị L liên đới trả cho bà H 05 chỉ vàng 24k (vàng quy ra thành tiền là 40.000.000 đồng); tiền lãi vàng 53.120.000 đồng (tính từ ngày 02/2/2018 đến ngày 02/10/2024 mức lãi suất 1.66%/tháng). Xét kháng cáo của bà H nhận thấy: bà H cho rằng có cho ông H1 vay 05 chỉ vàng 24k, ông H1 không thừa nhận vay 05 chỉ vàng 24k mà là vay số tiền 18.000.000 đồng. Xét Biên nhận ngày 02/02/2018 thể hiện 05 chỉ vàng 24k và thể hiện “TT 18.000.000”. Theo lời trình bày của ông H1, lần sau ông vay 20.000.000 đồng nhưng bà H không có tiền nên đưa vàng cho ông bán, bán được bao nhiêu cho vay bấy nhiêu; bà H cho rằng ông H1 vay tiền nhưng lúc đó bà đưa vàng thì bà yêu cầu trả vàng. Từ lời trình bày của nguyên đơn bà H, bị đơn ông H1 và biên nhận ngày 02/02/2018 có cơ sở xác định lần thứ hai tức ngày 02/02/2018 bà H cho ông H1 vay số tiền 18.000.000 đồng. Toà án cấp sơ thẩm buộc ông H1 trả cho bà H số tiền 18.000.000 đồng là phù hợp.

[2.3] Về tiền lãi: Nguyên đơn trình bày cho vay có thỏa thuận lãi suất nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, biên nhận chỉ thể hiện thời hạn vay 01 tháng không thể hiện lãi suất cho vay, bị đơn không đồng ý trả lãi cho nguyên đơn. Do các bên không thống nhất về lãi suất nên Toà án cấp sơ thẩm tính lãi suất theo quy định pháp luật là phù hợp.

[2.4] Về nghĩa vụ liên đới: kết quả xác minh thể hiện ông Huỳnh Khắc H1 và bà Trần Thị L đang tồn tại hôn nhân hợp pháp. Việc vay tiền phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và vay tiền nhằm phát triển kinh tế gia đình nên Toà án cấp sơ thẩm buộc ông H1 và bà L có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà H theo Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

Từ những phân tích trên xét thấy, bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới có giá trị chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân H1ện B.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên lẽ ra nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, do bà H là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 179/2024/DS-ST ngày 02/10/2024 của Tòa án nhân dân H1ện B, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

- Buộc bị đơn ông Huỳnh Khắc H1 và bà Trần Thị L liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi 13.197.000 (mười Bệu, một trăm chín mươi bảy nghìn) đồng. Trong đó, tiền lãi tính từ ngày 17/02/2018 đến ngày 02/10/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng.

- Buộc bị đơn ông Huỳnh Khắc H1 và bà Trần Thị L liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) và tiền lãi 11.802.600 đồng (mười một triệu, tám trăm lẻ hai nghìn, sáu trăm đồng). Trong đó, tiền lãi tính từ ngày 03/03/2018 đến ngày 02/10/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Khắc H1, bà Trần Thị L liên đới trả 05 chỉ vàng 24k (quy thành tiền 40.000.000 đồng); tiền lãi vàng tính từ ngày 02/2/2018 đến ngày 02/10/2024 là 53.120.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Khắc H1, bà Trần Thị L liên đới trả số tiền lãi 13.861.000 đồng của số tiền gốc 20.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Huỳnh Khắc H1, bà Trần Thị L phải chịu 3.150.000 đồng (Bệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí.

4. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND H1ện B;
- Chi cục THADS H1ện B;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Chánh án TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt